

Bản án số: **101/2024/HNGĐ- ST**

Ngày: 26/4/2024

V/v: *Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Huệ;

2. Bà Lộc Thị Kim Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 26/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2024/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2024, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24a/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25/3/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/QĐHPT - HNGĐ ngày 09/4/2024, giữa:

* Nguyên đơn: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1987

* Bị đơn: Chị Lưu Thị S, sinh năm 1990.

* Người làm chứng: ông Lưu Văn H

Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, chị S vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lưu Thị S đăng ký kết hôn vào ngày 14/4/2011 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh N, việc đăng ký trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống tại thôn 4, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận bình thường, đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đến nay mâu thuẫn

đã rất trầm trọng, anh và chị S sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, lối sống, anh xác định vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lưu Thị S.

Về con chung: Anh và chị Lưu Thị S có 03 con chung là cháu Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 14/5/2011, cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 30/5/2014 và cháu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 13/11/2015, khi ly hôn anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 cháu và không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, về nợ chung: Anh và chị S không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên chị S không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó Tòa án không lấy được lời khai và không tiến hành hòa giải được. Anh Đ có đơn từ chối hòa giải.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà, Anh Đ giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Đề nghị HĐXX: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ, xử cho Anh Đ được ly hôn với chị Lưu Thị S. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 14/5/2011 và cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 30/5/2014 cho Anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao Nguyễn Xuân T, sinh ngày 13/11/2015 cho Anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do Anh Đ không yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Ngoài ra kiểm sát viên còn đề nghị HĐXX tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Đ và chị S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/4/2011 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh N,

vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: kết quả xác minh xác định bị đơn là chị Lưu Thị S hiện đang cư trú, sinh sống tại xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

[3] Chị S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ, HĐXX nhận định:

[4.1] Đối với yêu cầu xin ly hôn với chị Lưu Thị S: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị S đang sinh sống thường xuyên xác định: Anh Đ và chị S kết hôn từ năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống chung tại thôn 4, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống vợ chồng anh chị hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn cụ thể địa phương không nắm được. Bản thân Anh Đ xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn theo Anh Đ xác định do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Quá trình giải quyết vụ án, chị S không có ý kiến gì, không có mặt theo yêu cầu của Tòa án để tiến hành hòa giải, điều đó cho thấy chị S cũng không mong muốn hòa giải đoàn tụ. Anh Đ và chị S đã sống ly thân nhiều năm, không ai quan tâm đến ai. Tình trạng mâu thuẫn giữa Anh Đ và chị S cũng được gia đình và chính quyền địa phương xác nhận.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa Anh Đ và chị S đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của Anh Đ là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Đối với yêu cầu được giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: Anh Đ và chị S có 03 con chung là cháu Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 14/5/2011, cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 30/5/2014 và cháu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 13/11/2015. Các cháu đều trên 07 tuổi, theo nguyện vọng của cháu H được ở với bố, cháu T và cháu T có nguyện vọng ở với mẹ. Tuy nhiên, hiện chị S đi làm ăn xa, không rõ nghề nghiệp, mức thu nhập. Chị S vẫn thường xuyên đi lại

về nhà, sau khi nhận được các văn bản của Tòa án tổng đạt, tuy không có ý kiến trực tiếp bằng văn bản về quan điểm tranh chấp nhưng thông qua bố đẻ là ông Lưu Văn H cho biết chị nhất trí ly hôn và có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu bé là Nguyễn Xuân T, còn Anh Đ sẽ trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu lớn. Bản thân Anh Đ có nguyện vọng được nuôi cả 03 cháu, Anh Đ đang làm công nhân có xác nhận mức thu nhập ổn định từ 8.000.000 đồng đến 12.000.000đ/ 1 tháng, có chỗ ở ổn định. Tham vấn ý kiến của chính quyền địa phương có ý kiến, trong hoàn cảnh của Anh Đ và chị S thì Tòa án nên giao cháu H và cháu T cho Anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu T cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Từ những căn cứ trên, HĐXX xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Anh Đ, giao cháu H và cháu T cho Anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu T cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Do Anh Đ và chị S đều không yêu cầu cấp dưỡng nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ và chị S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Đ phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị S không phải nộp án phí.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn chị Lưu Thị S.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 14/5/2011 và cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 30/5/2014 cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 13/11/2015 cho chị Lưu Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000000907721 ngày 15/01/2024 của Công ty Cổ phần thanh toán Quốc gia Việt Nam và theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001087 ngày 15/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Chị Lưu Thị S không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã V, huyện N, tỉnh N (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Toàn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Huệ - Lộc Thị Kim Thơm

Nguyễn Văn Toàn